PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 19/2012/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2012 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Chế biến và bảo quản thủy sản; May thời trang; Công nghệ chế biến chè; Chế biến cà phê, ca cao; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; Khai thác, đánh bắt hải sản

(Tiếp theo Công báo số 549 + 550)

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: May Thời trang

Mã nghề: 40540205

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

MỤC LỤC

TT	Nội dung
1	Phần thuyết minh
2	**Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang theo từng môn học, mô đun bắt buộc và theo từng môn học, mô đun tự chọn trình độ Trung cấp nghề**
3	Bảng 01: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Vẽ kỹ thuật ngành may (MH 07)
4	Bảng 02: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Cơ sở thiết kế trang phục (MH 08)

TT	Nội dung
5	Bảng 03: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Vật liệu may (MH 09)
6	Bảng 04: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Thiết bị may (MH 10)
7	Bảng 05: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): An toàn lao động (MH 11)
8	Bảng 06: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục 1 (MĐ 12)
9	Bảng 07: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo sơ mi nam, nữ (MĐ 13)
10	Bảng 08: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May quần âu nam, nữ (MĐ 14)
11	Bảng 09: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục 2 (MĐ 15)
12	Bảng 10: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo Jacket nam (MĐ 16)
13	Bảng 11: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May các sản phẩm nâng cao (MĐ 17)
14	Bảng 12: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thực tập tốt nghiệp (MĐ 18)
15	Bảng 13: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (tự chọn): Nhân trắc học (MH 19)
16	Bảng 14: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (tự chọn): Tiếng anh chuyên ngành (MH 20)
17	Bảng 15: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Công nghệ sản xuất (MĐ 21)
18	Bảng 16: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Quản lý chất lượng sản phẩm (MĐ 22)
19	Bảng 17: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Thiết kế mẫu công nghiệp (MĐ 23)

TT	Nội dung
20	Bảng 18: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Thiết kế trang phục 3 (MĐ 24)
21	Bảng 19: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): May váy, áo váy (MĐ 25)
22	Bảng 20: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Cắt - may thời trang áo sơ mi, quần âu (MĐ 26)
23	**Phần B: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang, trình độ Trung cấp nghề**
24	Bảng 21: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Trung cấp nghề
25	Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề, nghề May Thời trang

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang trình độ trung cấp nghề là danh mục các loại thiết bị (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh…) dạy nghề và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, theo chương trình khung trình độ trung cấp nghề May Thời trang đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2011.

I. NỘI DUNG DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

1. Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang theo từng môn học, mô đun bắt buộc và theo từng mô đun tự chọn, trình độ trung cấp nghề.

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 20, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết để thực hiện môn học, mô đun đáp ứng yêu cầu của chương trình khung đào tạo nghề;

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị;

- Yêu cầu kỹ thuật bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của chương trình khung đào tạo nghề.

2. Phần B: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang, trình độ trung cấp nghề.

- Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc, trình độ trung cấp nghề (bảng 21).

- Bảng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc, trình độ trung cấp nghề được tổng hợp từ các bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc. Trong bảng danh mục này:

+ Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong các danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

+ Số lượng thiết bị là số lượng tối thiểu đáp ứng được yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

+ Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị đáp ứng được cho tất cả các môn học, mô đun bắt buộc.

II. ÁP DỤNG DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Các cơ sở dạy nghề May Thời trang, trình độ trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học mô đun bắt buộc, trình độ trung cấp nghề (bảng 21);

2. Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun tự chọn trình độ trung cấp nghề, từ bảng 13 đến bảng 20 thiết bị đã có đủ trong bảng tổng hợp (bảng 21), nên không liệt kê danh mục thiết bị tối thiểu bổ sung cho các môn học, mô đun này.

Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào quy mô đào tạo nghề May Thời trang trình độ trung cấp nghề; danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang; kế hoạch đào tạo cụ thể của trường, có tính đến thiết bị sử dụng chung cho một số nghề khác mà trường đào tạo để xác định số lượng thiết bị cần thiết, đảm bảo chất lượng dạy nghề và hiệu quả vốn đầu tư.

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC VÀ THEO TỪNG MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU MÔN HỌC (*Bắt buộc*): VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ kỹ thuật gồm:	Bộ	1	Sử dụng để vẽ các bản vẽ	
	- Thước kẻ	*Chiếc*	*35*		*Chiều dài 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Đơn vị tính "cm" và "inch", vật liệu mềm*
	- Com Pa	*Chiếc*	*35*		*Chuyển động quay dễ dàng, dễ sử dụng*
	- Thước cong	*Chiếc*	*35*		*Thước bằng vật liệu trong suốt*
	- Êke	*Chiếc*	*35*		*Hai loại góc độ, thông dụng*
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
3	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): CƠ SỞ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh và thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	36	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 300 mm ÷ 500 mm
2	Thước dây	Chiếc	36	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
3	Kéo	Chiếc	35	Sử dụng để cắt giấy trong quá trình thiết kế trang phục	Có độ sắc bén và chuẩn xác cao, phần tay cầm phù hợp với người sử dụng
4	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Sử dụng thiết kế mẫu trang phục	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	2	Sử dụng làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
8	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): VẬT LIỆU MAY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy xác định độ bền vải	Bộ	1	Giới thiệu cách xác định độ bền đứt và độ kéo đứt vải	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm, có khả năng đo độ bền đứt và độ giãn đứt của vật liệu may
2	Bảng mẫu nguyên phụ liệu	Bảng	1	Phân biệt và phân loại các dạng nguyên phụ liệu	Các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản
3	Thước dây	Chiếc	1	Đo kích thước vải	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
4	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	Kích thước 1 x 1inch. Độ phóng đại 6x
5	Kính hiển vi	Chiếc	2	Nhận biết, phân loại các loại xơ dệt	Loại phổ thông, độ phóng đại 30 ÷ 100 lần
6	Kính lúp	Chiếc	9	Nhận biết, phân loại các loại xơ dệt, kiểu dệt	Độ phóng đại từ 12 ÷ 16 lần
7	Ấm đun nước	Chiếc	1	Sử dụng để đun nước đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho công việc thí nghiệm	Dung tích 2.5 ÷ 3 lít

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Que khuấy	Chiếc	18	Sử dụng để pha chế và làm các thí nghiệm	Thủy tinh đặc, trong suốt, độ bền cao, kích thước từ 200 ÷ 300 mm
9	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Sử dụng kim để đếm mật độ các loại vải	Bằng thép không gỉ
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
11	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): THIẾT BỊ MAY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
3	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	- Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, - Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy đính cúc	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
5	Máy đính bọ	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút; Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm
6	Máy vắt gấu	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Số vòng quay động cơ: 3000 - 3600 vòng/ phút, khả năng cắt: 110 ÷ 290 mm, kích thước dao: 6'' ÷ 13''
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
10	Máy dập cúc	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
11	Máy đột	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
12	Máy cuốn ống	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
13	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
14	Máy trần chun	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Loại thông dụng
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm Đảm bảo các thông số kỹ thuật
16	Bàn là nhiệt	Bộ	1	Giới thiệu cách sử dụng thiết bị	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Kéo cắt	Chiếc	35	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
18	Kéo bấm chỉ	Chiếc	35	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải …	Loại nhỏ bằng thép, thông dụng trên thị trường có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
19	Thước nhựa cứng	Chiếc	35	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
20	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
21	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy may 1 kim	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy vắt sổ chỉ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
3	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy thùa khuyết	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy đính cúc	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đính cúc	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
5	Máy đính bọ	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đính bọ	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm
6	Máy vắt gấu	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy vắt gấu	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy ép mex	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy cắt vải đẩy tay	Số vòng quay động cơ: 3000 ÷ 3600 vòng/ phút, Khả năng cắt: 110 ÷ 290 mm, Kích thước dao: 6'' ÷ 13''
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy hai kim	Tốc độ ≥ 4000mũi/ phút
10	Máy dập cúc	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy dập cúc	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
11	Máy đột	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đột	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
12	Máy cuốn ống	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy cuốn ống	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
13	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy thùa khuyết đầu tròn	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
14	Máy trần chun	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy trần chun	Loại thông dụng
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành bàn hút cầu là	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
16	Bàn là nhiệt	Chiếc	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi sử dụng bàn là nhiệt	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Tủ thuốc cứu thương	Chiếc	1	Đựng thuốc sơ cứu người bị nạn	Kích thước thông dụng ở ngoài thị trường
18	Phương tiện phòng cháy chữa cháy, bao gồm: - *Bình chữa cháy* - *Bộ nội qui tiêu lệnh PCCC*	Bộ	1	Giới thiệu các biện pháp phòng cháy chữa cháy	Đảm bảo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
20	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng, gồm:	Bộ	1	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Vật liệu trong suốt
	- Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	- Thước cong	*Chiếc*	*18*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manơcanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manơcanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY ÁO SƠ MI NAM, NỮ

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa sang dấu áo sơ mi nam, nữ	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy cuốn ống	Bộ	2	Thực hành cuốn các đường may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
7	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm
8	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo sơ mi nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
10	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải …	Loại nhỏ bằng thép, thông dụng trên thị trường có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
15	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Dưỡng may cổ	Bộ	3	Thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
17	Dưỡng may bác tay	Bộ	3	Thực hành may bác tay	Theo thông số chuẩn của từng loại bác tay
18	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Giá treo hai hàng. Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp với diện tích phòng học. Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo sơ mi nam, nữ	Mô phỏng đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
22	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
23	Máy lộn cổ	Chiếc	01	May lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại máy thủ công
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
25	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY QUẦN ÂU NAM, NỮ

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu quần âu nam, nữ	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/phút
6	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết quần âu nam, nữ	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
8	Máy vắt gấu	Bộ	1	Vắt gấu quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/phút, Chiều dài mũi may 3 ÷ 8,5mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện quần âu nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết quần âu nam, nữ	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng bán trên thị trường
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo hệ "m" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 - 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, (nam, nữ). Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi quần âu nam, nữ	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
17	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần âu nam, nữ	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
21	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
23	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 2

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng, bao gồm: - *Thước vuông* - *Thước cong*	Chiếc	18	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính hệ "m" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Vật liệu trong suốt
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY ÁO JACKET NAM

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo jacket	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	May áo jacket	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
3	Máy 2 kim	Bộ	1	May các đường may song song áo jacket	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
4	Máy dập cúc	Bộ	1	Dập cúc áo jacket	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
5	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết áo jacket	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc áo jacket	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
7	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ áo jacket	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
8	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ áo jacket	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo jacket	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo jacket	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
11	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết áo jacket	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
13	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
14	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch", kích thước: 500 ÷ 600mm
15	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
16	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Loại bán thân, (nam, nữ) kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
17	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi áo jacket	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
18	Chân vịt tra khóa	Bộ	6	Tra khóa áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
20	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo jacket	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo jacket	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
23	Kim tay	Chiếc	18	Khâu các đường may tay	Thép không gỉ, loại phổ thông
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
25	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY CÁC SẢN PHẨM NÂNG CAO

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu các sản phẩm nâng cao	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy may 2 kim	Bộ	1	Thực hành may các đường may song song các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
4	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy dập cúc	Bộ	1	Thực hành dập cúc các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
6	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
7	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
8	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo các sản phẩm nâng cao	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện các sản phẩm nâng cao	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
11	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết các sản phẩm nâng cao	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
13	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
14	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"
15	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
16	Manocanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Loại bán thân, kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
17	Dưỡng may cổ	Bộ	6	Thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
18	Dưỡng may bác tay	Bộ	6	Thực hành may bác tay	Theo thông số chuẩn của từng loại bác tay

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi các sản phẩm nâng cao	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
20	Chân vịt tra khóa	Bộ	6	Tra khoá áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
21	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	
23	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	
24	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của các sản phẩm nâng cao	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
25	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
26	Máy lộn cổ	Chiếc	1	May lộn cổ áo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
28	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước cứng	Chiếc	18	Kẻ các loại bảng biểu	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước 200 ÷ 300mm
2	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	- Được sử dụng rộng rãi trên thị trường, đơn vị "cm" và "inch"; phạm vi 200cm
3	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	18	Bấm giờ, xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trên thị trường
4	Máy tính cá nhân	Chiếc	18	Tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Báo cáo nội dung thực tập tốt nghiệp	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
6	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Tự chọn*): NHÂN TRẮC HỌC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	35	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Đơn vị tính: "cm" và "inch", có chiều dài 300mm ÷ 500mm
2	Thước dây	Chiếc	35	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
3	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	Đo chiều cao cơ thể	Loại thông dụng, đơn vị đo "cm" và "inch". Phạm vi đo 200cm
4	Cân bàn	Chiếc	1	Đo khối lượng cơ thể	Loại thông dụng, đơn vị đo "kg"
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
6	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU MÔN HỌC (*Tự chọn*): TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn là nhiệt	Chiếc	3	Thực hành là ép mex	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy ép mex	Bộ	1	Thực hành ép dán chi tiết	Khổ rộng ≥ 450mm
3	Thước cứng	Chiếc	18	Kẻ các loại bảng biểu	Đơn vị: "cm" và inch". Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
4	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Được sử dụng rộng rãi trên thị trường, đơn vị "cm" và "inch"; phạm vi 200cm
5	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	9	Bấm giờ, xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trên thị trường
6	Máy tính cá nhân	Chiếc	9	Tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường
7	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
10	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

Số TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Dụng cụ vẽ, gồm:	Bộ	1	Kẻ, vẽ các đường nét trong quá trình thiết kế	
	- Thước kẻ	*Chiếc*	*18*	*Sử dụng để kẻ khung dựng hình, các đường trục chính khi thiết kế*	*Đơn vị: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; 1000mm*
	- Thước cong	*Chiếc*	*18*	*Vẽ các đường cong trong quá trình thiết kế*	*Loại thước được sử dụng rộng rãi trên thị trường*
	- Êke	*Chiếc*	*18*	*Dựng các đường vuông góc trong quá trình thiết kế, giác sơ đồ*	*Hai loại góc độ, thông dụng*
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	- Được sử dụng rộng rãi trên thị trường, đơn vị "cm" và "inch"; phạm vi 200cm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	
7	Kìm bấm dấu	Chiếc	1	Bấm dấu mẫu giấy	
8	Đục lỗ	Chiếc	1	Đục lỗ mẫu	
9	Con lăn sao mẫu	Chiếc	18	Lăn sao mẫu	
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
11	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 3

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng, gồm:	Bộ	1	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Vật liệu trong suốt
	- Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	- Thước cong	*Chiếc*	*18*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): MAY VÁY, ÁO VÁY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu váy, áo váy	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may váy, áo váy	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đột	Bộ	1	Đột các đường may váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút,
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết váy, áo váy	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
8	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	6	Tra khóa váy, áo váy	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện váy, áo váy	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm Đảm bảo các thông số kỹ thuật

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết váy, áo váy	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	
19	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu váy, áo váy	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của váy, áo váy	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
20	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
22	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (*Tự chọn*): CẮT - MAY THỜI TRANG ÁO SƠ MI, QUẦN ÂU

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế mẫu trang phục	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thực hành thùa khuyết quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	1	Thực hành đính cúc quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút,
6	Máy đính bọ	Bộ	1	Thực hành đính bọ quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
7	Máy vắt gấu	Bộ	1	Thực hành vắt gấu quần âu	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
8	Máy ép mex	Bộ	1	Thực hành ép mex quần âu, áo sơ mi	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện quần âu, áo sơ mi	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết quần âu, áo sơ mi	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch", kích thước 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	2	Mặc thử mẫu	Loại bán thân, hai nửa trên và dưới. Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Ghim gài	Vỉ	18	Sử dụng để gài giữ vải đảm bảo an toàn khi cắt	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
22	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Phần B
DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Bảng 21. DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: May Thời trang

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Tủ thuốc cứu thương	Chiếc	1	Kích thước thông dụng ở ngoài thị trường
2	Phương tiện phòng cháy chữa cháy:	Bộ	1	Đủ chủng loại và số lượng theo yêu cầu
	- Bình chữa cháy	*Chiếc*	*1*	
	- Bộ nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	*Chiếc*	*1*	
3	Thiết bị bảo hộ lao động nghề may và thiết kế thời trang	Bộ	19	Biết cách sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp đối với từng công việc cụ thể trong nghề may và thiết kế thời trang
	DỤNG CỤ VẼ			
4	Thước kẻ	Chiếc	35	Trên thước có đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 200 - 300mm ; 500 - 600mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Com pa	Chiếc	35	Chuyển động quay dễ dàng, dễ sử dụng
6	Thước cong	Chiếc	35	Loại thước được sử dụng rộng rãi trên thị trường, vật liệu trong suốt
7	Thước vuông	Chiếc	35	Đơn vị: "cm" và "inch"
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
8	Máy may 1 kim	Bộ	18	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Tốc độ ≥ 4000mũi/phút
10	Máy vắt sổ	Bộ	2	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
11	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
12	Máy đính cúc	Bộ	1	Tốc độ ≥ 1500 mũi/phút,
13	Máy vắt gấu	Bộ	1	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
14	Máy đính bọ	Bộ	1	Tốc độ ≥ 1800 mũi/phút. Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
15	Máy ép mex	Bộ	1	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
16	Máy dập cúc	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút
17	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Số vòng quay động cơ: 3000 ÷ 3600 vòng/phút, Khả năng cắt: 110 ÷ 290 mm, Kích thước dao: 6'' ÷ 13''
18	Máy đột	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút,
19	Máy xác định độ bền vải	Chiếc	1	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm, có khả năng đo độ bền đứt của vải
20	Máy cuốn ống	Bộ	2	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
21	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
22	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Chân vịt tra khóa	Bộ	6	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
24	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
25	Máy trần chun	Bộ	1	Loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Máy lộn cổ	Chiếc	1	
27	Kìm bấm dấu	Chiếc	1	
28	Đục lỗ	Chiếc	1	
29	Con lăn sao mẫu	Chiếc	18	
	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤ TRỢ			
30	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
31	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	
32	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	
33	Thước dây	Chiếc	1	Đảm bảo độ bền, không co giãn, Đơn vị tính "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
34	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
35	Kéo cắt	Chiếc	35	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải, giấy
36	Kéo bấm chỉ	Chiếc	35	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
37	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
38	Kim tay	Chiếc	18	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
39	Ghim gài	Vỉ	18	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
40	Manơcanh	Chiếc	3	Loại bán thân. Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
41	Kính kiểm tra mật độ	Chiếc	6	Kính kiểm tra mật độ vải, kích thước 1 x 1 inch
42	Kính hiển vi	Chiếc	2	Loại kính phổ thông có độ phóng đại 30 ÷ 100 lần
43	Kính lúp	Chiếc	9	Kính có độ phóng đại khoảng từ 12 ÷ 16 lần
44	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	18	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trên thị trường
45	Xơ nguyên chất	kg	2	Thành phần không có lẫn các tạp chất khác (Xơ bông, polyeste, polyamid, len, tơ tằm, vitscos…)
46	Que khuấy	Chiếc	6	Làm bằng thủy tinh đặc trong suốt có độ bền cao, kích thước từ 200 ÷ 300 mm
47	Kim để đếm mật độ	Chiếc	15	Bằng thép không gỉ, kích thước L = 100mm; D = 0.5 ÷ 1mm
48	Dưỡng may cổ	Chiếc	1	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
49	Dưỡng may nắp túi	Chiếc	18	Vật liệu bằng nhựa cứng, có thông số theo thông số, kết cấu măng séc của từng sản phẩm
50	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
51	Dưỡng may măng séc	Chiếc	1	Theo thông số chuẩn của từng loại măng séc
	MÔ HÌNH HỌC CỤ			
52	Bảng mẫu vải	Bảng	1	Các mẫu vải dệt kim, dệt thoi, vải không dệt cơ bản
53	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Kích thước 1200 x 1500 x 800mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
54	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ	Bộ	02	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
55	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ	Bộ	02	
56	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo jacket	Bộ	02	
57	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo vest nữ một lớp	Bộ	02	
58	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo veston nam	Bộ	02	
59	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao	Bộ	02	
	THIẾT BỊ CƠ BẢN VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
60	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
61	Máy vi tính	Bộ	1	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
62	Phần mềm đồ họa	Bộ	1	Cài đặt được tất cả các máy trong phòng học
63	Máy tính cá nhân	Chiếc	18	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG
Trình độ: Trung cấp nghề

(Theo Quyết định số 1452/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Nguyễn Thị Sinh	Kỹ sư	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Ngọc Tám	Kỹ sư	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Phạm Quỳnh Hương	Kỹ sư	Ủy viên, Thư ký
4	Nguyễn Phương Nga	Thạc sỹ	Ủy viên
5	Đào Thị Thanh Bình	Kỹ sư	Ủy viên
6	Nguyễn Diệp Linh	Thạc sỹ	Ủy viên
7	Đặng Thị Cẩm Thu	Kỹ sư	Ủy viên

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: May Thời trang
Mã nghề: 50540205
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

MỤC LỤC

TT	Nội dung
1	Phần thuyết minh
2	**Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang theo từng môn học, mô đun bắt buộc và theo từng môn học, mô đun tự chọn, trình độ Cao đẳng nghề**
3	Bảng 01: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Vẽ kỹ thuật ngành may (MH 07)
4	Bảng 02: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Vật liệu may (MH 08)
5	Bảng 03: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Nhân trắc học (MH 09)
6	Bảng 04: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Cơ sở thiết kế trang phục (MH 10)
7	Bảng 05: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): An toàn lao động (MH 11)
8	Bảng 06: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Thiết bị may (MH 12)
9	Bảng 07: Danh mục thiết bị tối thiểu Môn học (bắt buộc): Mỹ thuật trang phục (MH 13)
10	Bảng 08: Danh mục thiết bị tối thiểu

TT	Nội dung
	Môn học (bắt buộc): Quản lý chất lượng sản phẩm (MH 14)
11	Bảng 09: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục 1 (MĐ 15)
12	Bảng 10: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo sơ mi nam, nữ (MĐ 16)
13	Bảng 11: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May quần âu nam, nữ (MĐ 17)
14	Bảng 12: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục 2 (MĐ 18)
15	Bảng 13: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo Jacket (MĐ 19)
16	Bảng 14: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục 3 (MĐ 20)
17	Bảng 15: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo vest nữ một lớp (MĐ 21)
18	Bảng 16: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế mẫu công nghiệp (MĐ 22)
19	Bảng 17: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế công nghệ (MĐ 23)
20	Bảng 18: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May áo veston nam (MĐ 24)
21	Bảng 19: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thiết kế trang phục trên máy tính (MĐ 25)
22	Bảng 20: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Cắt may thời trang áo sơ mi, quần âu (MĐ 26)
23	Bảng 21: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): May các sản phẩm nâng cao (MĐ 27)
24	Bảng 22: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (bắt buộc): Thực tập tốt nghiệp (MĐ 28)
25	Bảng 23: Danh mục thiết bị tối thiểu

TT	Nội dung
	Môn học (tự chọn): Marketing (MH 29)
26	Bảng 24: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Đồ họa trang phục (MĐ 30)
27	Bảng 25: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Quản trị doanh nghiệp (MĐ 31)
28	Bảng 26: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Thiết kế trang phục 4 (MĐ 32)
29	Bảng 27: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): May váy, áo váy (MĐ 33)
30	Bảng 28: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): May áo vest nữ hai lớp (MĐ 35)
31	Bảng 29: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): May áo dài (MĐ 37)
32	Bảng 30: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Tiếng anh chuyên ngành (MĐ 38)
33	Bảng 31: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Giác sơ đồ trên máy tính (MĐ 39)
34	Bảng 32: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Trải vải và cắt công nghiệp (MĐ 42)
35	Bảng 33: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Cắt may thời trang áo khoác ngoài (MĐ 46)
36	**Phần B: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang, trình độ Cao đẳng nghề**
37	Bảng 34: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc trình độ Cao đẳng nghề
38	Bảng 35: Danh mục thiết bị tối thiểu Mô đun (tự chọn): Trải vải và cắt công nghiệp (MĐ 42)
39	Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề, nghề May Thời trang

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang trình độ cao đẳng nghề là danh mục các loại thiết bị (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh…) dạy nghề và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, theo chương trình khung trình độ cao đẳng nghề May Thời trang đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2011.

I. NỘI DUNG DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

1. Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang theo từng môn học, mô đun bắt buộc và theo từng môn học, mô đun tự chọn, trình độ cao đẳng nghề.

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 33, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết để thực hiện môn học, mô đun đáp ứng yêu cầu của chương trình khung đào tạo nghề;

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của chương trình khung đào tạo nghề.

2. Phần B: Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang, trình độ cao đẳng nghề.

a) Bảng danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc, trình độ cao đẳng nghề (bảng 34).

Bảng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học mô đun bắt buộc, trình độ cao đẳng nghề được tổng hợp từ các bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc. Trong bảng danh mục này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong các danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị là số lượng tối thiểu đáp ứng được yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị đáp ứng được cho tất cả các môn học, mô đun bắt buộc.

b) Bảng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang bổ sung cho mô đun tự chọn Trải vải và cắt công nghiệp (MĐ 42), trình độ cao đẳng nghề.

Đây là danh mục thiết bị tối thiểu bổ sung (bảng 35) dùng để bổ sung cho danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May thời trang cho các môn học, mô đun bắt buộc (Bảng 34). Riêng các môn học, mô đun tự chọn: Marketing (MH 29); Đồ họa trang phục (MĐ 30); Quản trị doanh nghiệp (MĐ 31); Thiết kế trang phục 4 (MĐ 32); May váy, áo váy (MĐ 33); May áo vest nữ hai lớp (MĐ 35); May áo dài (MĐ 37); Tiếng anh chuyên ngành (MĐ 38); Giác sơ đồ trên máy tính (MĐ 39); Cắt may thời trang áo khoác ngoài (MĐ 46) thiết bị đã có đủ trong bảng tổng hợp (bảng 34) nên không liệt kê danh mục thiết bị tối thiểu bổ sung cho các môn học, mô đun này.

II. ÁP DỤNG DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Các cơ sở dạy nghề May Thời trang, trình độ cao đẳng nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang cho các môn học mô đun bắt buộc, trình độ cao đẳng nghề (bảng 34);

2. Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang bổ sung cho mô đun tự chọn Trải vải và cắt công nghiệp (bảng 35). Đào tạo mô đun tự chọn này thì chọn danh mục thiết bị bổ sung tương ứng.

Các trường căn cứ vào quy mô đào tạo nghề May Thời trang; danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề May Thời trang; kế hoạch đào tạo cụ thể của trường, có tính đến thiết bị sử dụng chung cho một số nghề khác mà trường đào tạo để xác định số lượng thiết bị cần thiết, đảm bảo chất lượng dạy nghề và hiệu quả vốn đầu tư.

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC VÀ THEO TỪNG MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (*Bắt buộc*): VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Tên nghề: May Thời trang

Mã số môn học: MH 07

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ kỹ thuật gồm:	Bộ	1	Sử dụng để vẽ các bản vẽ	
	- Thước kẻ	*Chiếc*	*35*		*Chiều dài 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Đơn vị tính "cm" và "inch", vật liệu mềm*
	- Com Pa	*Chiếc*	*35*		*Chuyển động quay dễ dàng, dễ sử dụng*
	- Thước cong	*Chiếc*	*35*		*Thước bằng vật liệu trong suốt*
	- Êke	*Chiếc*	*35*		*Hai loại góc độ, thông dụng*
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
3	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): VẬT LIỆU MAY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy xác định độ bền vải	Bộ	1	Giới thiệu cách xác định độ bền đứt và độ kéo đứt vải	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm, có khả năng đo độ bền đứt và độ giãn đứt của vật liệu may
2	Bảng mẫu nguyên phụ liệu	Bảng	1	Phân biệt và phân loại các dạng nguyên phụ liệu	Các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản
3	Thước dây	Chiếc	1	Đo kích thước vải	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 - 2000mm
4	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	Kích thước 1 x 1inch. Độ phóng đại 6x
5	Kính hiển vi	Chiếc	2	Nhận biết, phân loại các loại xơ dệt	Loại phổ thông, độ phóng đại 30 ÷ 100 lần
6	Kính lúp	Chiếc	9	Nhận biết, phân loại các loại xơ dệt, kiểu dệt	Độ phóng đại từ 12 ÷ 16 lần
7	Ấm đun nước	Chiếc	1	Sử dụng để đun nước đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho công việc thí nghiệm	Dung tích 2.5 ÷ 3 lít

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Que khuấy	Chiếc	18	Sử dụng để pha chế và làm các thí nghiệm	Thủy tinh đặc, trong suốt, độ bền cao, kích thước từ 200 ÷ 300mm
9	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Sử dụng kim để đếm mật độ các loại vải	Bằng thép không gỉ
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
11	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): NHÂN TRẮC HỌC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	35	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Đơn vị tính: "cm" và "inch", có chiều dài 300 mm ÷ 500mm
2	Thước dây	Chiếc	35	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
3	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	Đo chiều cao cơ thể	Loại thông dụng, đơn vị đo "cm" và "inch". Phạm vi đo 200cm
4	Cân bàn	Chiếc	1	Đo khối lượng cơ thể	Loại thông dụng, đơn vị đo "kg"
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
6	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): CƠ SỞ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	36	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 300mm ÷ 500mm
2	Thước dây	Chiếc	36	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
3	Kéo	Chiếc	35	Sử dụng để cắt giấy trong quá trình thiết kế trang phục	Có độ sắc bén và chuẩn xác cao, phần tay cầm phù hợp với người sử dụng
4	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Sử dụng thiết kế mẫu trang phục	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 - 1200mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	2	Sử dụng làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
8	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy may 1 kim	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy vắt sổ chỉ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
3	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy thùa khuyết	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy đính cúc	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đính cúc	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
5	Máy đính bọ	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đính bọ	Tốc độ ≥ 1800 mũi /phút Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 - 16mm
6	Máy vắt gấu	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy vắt gấu	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy ép mex	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy cắt vải đẩy tay	Số vòng quay động cơ: 3000 ÷ 3600 vòng/ phút, Khả năng cắt: 110 ÷ 290mm, Kích thước dao: 6'' ÷ 13''
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy hai kim	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
10	Máy dập cúc	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy dập cúc	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
11	Máy đột	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy đột	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
12	Máy cuốn ống	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy cuốn ống	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
13	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy thùa khuyết đầu tròn	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
14	Máy trần chun	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành máy trần chun	Loại thông dụng
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành bàn hút cầu là	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
16	Bàn là nhiệt	Chiếc	1	Giới thiệu kỹ thuật an toàn khi sử dụng bàn là nhiệt	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Tủ thuốc cứu thương	Chiếc	1	Đựng thuốc sơ cứu người bị nạn	Kích thước thông dụng ở ngoài thị trường
18	Phương tiện phòng cháy chữa cháy, gồm: - *Bình chữa cháy* - *Bộ nội quy tiêu lệnh PCCC*	Bộ	1	Giới thiệu các biện pháp phòng cháy chữa cháy	Đảm bảo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
20	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*)**: THIẾT BỊ MAY**

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
3	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	- Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, - Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy đính cúc	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
5	Máy đính bọ	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 1800 mũi /phút; Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 - 16mm
6	Máy vắt gấu	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Số vòng quay động cơ: 3000 ÷ 3600 vòng/ phút, Khả năng cắt: 110 ÷ 290mm, Kích thước dao: 6'' ÷ 13''
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
10	Máy dập cúc	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút
11	Máy đột	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
12	Máy cuốn ống	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
13	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
14	Máy trần chun	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Loại thông dụng
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm Đảm bảo các thông số kỹ thuật
16	Bàn là nhiệt	Bộ	1	Giới thiệu cách sử dụng thiết bị	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Kéo cắt	Chiếc	35	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
18	Kéo bấm chỉ	Chiếc	35	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải …	Loại nhỏ bằng thép, thông dụng trên thị trường có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
19	Thước nhựa cứng	Chiếc	35	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
20	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
21	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): MỸ THUẬT TRANG PHỤC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	35	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 200mm ÷ 300mm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
3	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*Bắt buộc*): QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp lý thuyết tối đa 35 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng: - *Thước vuông* - *Thước cong*	Chiếc	18	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Vật liệu trong suốt, mềm
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manơcanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manơcanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*bắt buộc*): MAY ÁO SƠ MI NAM, NỮ

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo sơ mi nam, nữ	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy cuốn ống	Bộ	2	Thực hành cuốn các đường may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
7	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
8	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo sơ mi nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
10	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải.
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải …	Loại nhỏ bằng thép, thông dụng trên thị trường có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Dưỡng may cổ	Bộ	3	Thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
17	Dưỡng may bác tay	Bộ	3	Thực hành may bác tay	Theo thông số chuẩn của từng loại bác tay
18	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Giá treo hai hàng. Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp với diện tích phòng học. Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo sơ mi nam, nữ	Mô phỏng đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
22	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
23	Máy lộn cổ	Chiếc	01	May lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại máy thủ công
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
25	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY QUẦN ÂU NAM, NỮ

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu quần âu nam, nữ	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
6	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết quần âu nam, nữ	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
8	Máy vắt gấu	Bộ	1	Vắt gấu quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút, Chiều dài mũi may 3 ÷ 8,5mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện quần âu nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết quần âu nam, nữ	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng bán trên thị trường
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị tính: "mm", theo chuẩn quốc tế; kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo hệ "m" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manocanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Nanocanh bán thân, (nam, nữ). Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi quần âu nam, nữ	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
17	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần âu nam, nữ	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
21	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
23	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 2

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng bao gồm: - *Thước vuông* - *Thước cong*	Chiếc	18	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính hệ "m" và "inch"; Kích thước: 200 - 300mm; 500 - 600mm; Vật liệu trong suốt, mềm
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 - 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY ÁO JACKET

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo jacket	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	May áo jacket	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy 2 kim	Bộ	1	May các đường may song song áo jacket	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
4	Máy dập cúc	Bộ	1	Dập cúc áo jacket	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
5	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết áo jacket	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc áo jacket	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
7	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ áo jacket	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
8	Máy vắt sổ	Bộ	2	Vắt sổ áo jacket	Tốc độ ≥5000 mũi/ phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo jacket	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo jacket	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
11	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Là chi tiết áo jacket	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
13	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
14	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch", kích thước: 500 ÷ 600mm
15	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
16	Manocanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Loại bán thân, (nam, nữ) Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
17	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi áo jacket	Theo thông số chuẩn của từng loại túi

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Chân vịt tra khóa	Bộ	6	Tra khóa áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
19	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
20	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo jacket	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo jacket	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
25	Kim tay	Chiếc	18	Khâu các đường may tay	Thép không gỉ, loại phổ thông
26	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
27	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 3

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải, cắt mẫu trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Thước cứng: - *Thước vuông* - *Thước cong*	Chiếc	18	Sử dụng để đo, kẻ khung dựng hình, vẽ các đường nét, chi tiết	Đơn vị tính: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; Vật liệu trong suốt, mềm
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước: Cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manocanh	Chiếc	2	Nhận biết các mẫu manocanh trong quá trình thiết kế	1 nam, 1 nữ
6	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tối thiểu phải treo được 18 móc sản phẩm
7	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
9	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY ÁO VEST NỮ MỘT LỚP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ21
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo vest nữ một lớp	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy tra tay áo	Bộ	1	Tra tay áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
6	Máy đột	Bộ	1	Đột các đường may áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo vest nữ một lớp	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm
8	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo vest nữ một lớp	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết áo vest nữ một lớp	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
11	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
12	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước: 500 ÷ 600mm
13	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
14	Manocanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manocanh bán thân, kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
15	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo vest nữ một lớp	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo vest nữ một lớp	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
21	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Dung cụ vẽ	Bộ	01		
	- Thước kẻ	*Chiếc*	*18*	*Sử dụng để kẻ khung dựng hình, các đường trục chính khi thiết kế*	*Đơn vị: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm; 1000mm*
	- Thước cong	*Chiếc*	*18*	*Vẽ các đường cong trong quá trình thiết kế*	*Loại thước được sử dụng rộng rãi trên thị trường*
	- Êke	*Chiếc*	*18*	*Dựng các đường vuông góc trong quá trình thiết kế, giác sơ đồ*	*Hai loại góc độ, thông dụng*
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Kìm bấm dấu	Chiếc	1	Bấm dấu mẫu giấy	Loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Đục lỗ	Chiếc	1	Đục lỗ mẫu	Loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Con lăn sao mẫu	Chiếc	18	Lăn sao mẫu	Loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
11	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*bắt buộc*): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn là nhiệt	Chiếc	3	Thực hành là ép mex	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy ép mex	Bộ	1	Thực hành ép dán chi tiết	Khổ rộng ≥ 450 mm
3	Thước cứng	Chiếc	18	Kẻ các loại bảng biểu	Đơn vị: "cm" và inch". Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm;
4	Thước dây	Chiếc	18	Kiểm tra thông số chi tiết	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
5	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	9	Bấm giờ, xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trên thị trường
6	Máy tính cá nhân	Chiếc	9	Tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường
7	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
10	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY ÁO VESTON NAM

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo veston nam	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo veston nam	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết áo veston nam	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy tra tay áo	Bộ	1	Tra tay áo veston nam	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
6	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo veston nam	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm
7	Máy đột	Bộ	1	Đột các đường may áo veston nam	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
8	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo veston nam	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
9	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết áo veston nam	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
12	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước 500-600mm
13	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
14	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
15	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo veston nam	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo veston nam	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
21	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	18	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Trên thước có đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 300mm ÷ 500mm
2	Phần mềm thiết kế trang phục	Bộ	1	Thực hành thiết kế trang phục trên máy tính	Cài đặt được tối thiểu 19 máy trong phòng học
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
4	Máy vi tính	Bộ	19	Thực hành thiết kế trang phục	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Chạy được phần mềm thiết kế trang phục

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): CẮT - MAY THỜI TRANG ÁO SƠ MI, QUẦN ÂU

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế mẫu trang phục	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thực hành thùa khuyết quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	1	Thực hành đính cúc quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥1500 mũi/ phút
6	Máy đính bọ	Bộ	1	Thực hành đính bọ quần âu, áo sơ mi	Tốc độ ≥ 1800 mũi/ phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
7	Máy vắt gấu	Bộ	1	Thực hành vắt gấu quần âu	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
8	Máy ép mex	Bộ	1	Thực hành ép mex quần âu, áo sơ mi	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện quần âu, áo sơ mi	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm Đảm bảo các thông số kỹ thuật
10	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết quần âu, áo sơ mi	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch", kích thước 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	2	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, hai nửa trên và dưới. Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Ghim gài	Vỉ	18	Sử dụng để gài giữ vải đảm bảo an toàn khi cắt	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
22	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): MAY CÁC SẢN PHẨM NÂNG CAO

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu các sản phẩm nâng cao	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy 2 kim	Bộ	1	Thực hành may các đường may song song các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
4	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy dập cúc	Bộ	1	Thực hành dập cúc các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
6	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
7	Máy đính cúc	Bộ	1	Đính cúc các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
8	Máy đính bọ	Bộ	1	Đính bọ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 1800 mũi / phút, Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo các sản phẩm nâng cao	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện các sản phẩm nâng cao	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
11	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết các sản phẩm nâng cao	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
13	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
14	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"
15	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
16	Manocanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manocanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
17	Dưỡng may cổ	Bộ	6	Thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
18	Dưỡng may bác tay	Bộ	6	Thực hành may bác tay	Theo thông số chuẩn của từng loại bác tay

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Thực hành may túi các sản phẩm nâng cao	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
20	Chân vịt tra khoá	Bộ	6	Tra khóa áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
21	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của các sản phẩm nâng cao	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
25	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
26	Máy lộn cổ	Chiếc	1	May lộn cổ áo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
28	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Bắt buộc*): THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 28
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước cứng	Chiếc	18	Kẻ các loại bảng biểu	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước 200 ÷ 300mm
2	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	- Được sử dụng rộng rãi trên thị trường, đơn vị "cm" và "inch"; phạm vi 200cm
3	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	18	Bấm giờ, xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trên thị trường
4	Máy tính cá nhân	Chiếc	18	Tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Báo cáo nội dung thực tập tốt nghiệp	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
6	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (*tự chọn*): MARKETING

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MH 29
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp lý thuyết tối đa 35 sinh viên

Số TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Thể hiện trình chiếu rõ nét các thông tin cần truyền tải, các mô hình học cụ, bài giảng…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*tự chọn*): ĐỒ HỌA TRANG PHỤC

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
2	Thước kẻ	Chiếc	18	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Trên thước có đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 300mm ÷ 500mm
5	Phần mềm đồ họa	Bộ	1	Sử dụng cài đặt vào các máy trong phòng học chương trình đồ họa để thiết kế	Cài đặt được tối thiểu 19 máy trong phòng học
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
7	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Cài được phần mền đồ họa trang phục

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*tự chọn*): QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 31
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*tự chọn*): THIẾT KẾ TRANG PHỤC 4

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 32
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải Thực hành vẽ trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
2	Dung cụ vẽ	Bộ	01		
	- Thước kẻ	*Chiếc*	*18*		*Đơn vị: "cm" và "inch"; Kích thước: 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm;*
	- Thước cong	*Chiếc*	*18*		*Loại thước được sử dụng rộng rãi trên thị trường*
	- Êke	*Chiếc*	*18*		*Hai loại góc độ, thông dụng*
3	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 - 2000mm
4	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế sản phẩm	Kích thước cao x dài x rộng: 1200 x 1500 x 800mm
5	Manocanh	Chiếc	1	Treo sản phẩm mẫu	Có số đo chuẩn, nữ, phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Ghim	Hộp	18	Ghim vải trong quá trình thiết kế	Thép không dỉ có đầu bọc nhựa, phổ biến trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để dễ quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
10	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 27. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): MAY VÁY, ÁO VÁY

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 33
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu váy, áo váy	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200 mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may váy, áo váy	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thùa khuyết váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đột	Bộ	1	Đột các đường may váy, áo váy	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết váy, áo váy	Khổ rộng 600 ÷ 1200 mm
8	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	6	Tra khóa váy, áo váy	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện váy, áo váy	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm Đảm bảo các thông số kỹ thuật

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết váy, áo váy	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu váy, áo váy	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của váy, áo váy	Đảm bảo đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
20	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
22	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 28. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): MAY ÁO VEST NỮ HAI LỚP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 35
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo vest nữ một lớp	Chiều cao 800 ÷ 900 mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
4	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ các sản phẩm nâng cao	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
5	Máy tra tay áo	Bộ	1	Tra tay áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
6	Máy đột	Bộ	1	Đột các đường may áo vest nữ một lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút
7	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo vest nữ một lớp	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
8	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo vest nữ một lớp	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết áo vest nữ một lớp	Công suất ≥1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
11	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác
12	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước: 500 ÷ 600mm
13	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000 mm
14	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
15	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo vest nữ một lớp	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo vest nữ một lớp	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
21	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 29. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): MAY ÁO DÀI

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 37
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Sử dụng để sửa, sang dấu áo dài	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo dài	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ áo dài	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
4	Máy ép mex	Bộ	1	Ép mex chi tiết áo dài	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
5	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo dài	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
6	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết áo dài	Công suất ≥1500W
7	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
8	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
9	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước: 500 ÷ 600mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
11	Manơcanh	Chiếc	3	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
12	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	
14	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	
15	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo dài	Bộ	02	Giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo dài	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
16	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông, phù hợp với từng chất liệu vải.
17	Ghim gài	Vỉ	18	Sử dụng để gài giữ vải đảm bảo an toàn khi cắt	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm
18	Đe tay	Chiếc	18	Khâu lược	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
20	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 30. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 38
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
2	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 31. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: May Thời trang
Mã số môn học: MĐ 39
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước kẻ	Chiếc	18	Sử dụng để vẽ các mẫu trang phục	Trên thước có đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 300mm ÷ 500mm
2	Phần mềm giác sơ đồ	Bộ	1	Giác sơ đồ trên máy tính	Cài đặt được tối thiểu 19 máy trong phòng học
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
4	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Cài được phần mền đồ họa trang phục

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): TRẢI VẢI VÀ CẮT CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 42
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cắt đẩy tay	Chiếc	2	Cắt phá, cắt các chi tiết trên bàn cắt	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 1500W
2	Máy cắt vòng	Chiếc	1	Cắt gọt các chi tiết	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 2500W
3	Máy khoan dấu	Chiếc	1	Làm dấu cho các chi tiết	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 750W
4	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	1	Cắt xén lá vải trong quá trình trải và theo phương pháp trải vải	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 750W
5	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
6	Que gạt	Chiếc	2	Gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: 800 ÷ 1000mm, có độ nhẵn trơn
7	Kẹp đứng	Chiếc	20	Kẹp các lá vải trong quá trình cắt bán thành phẩm	Kẹp thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Kẹp ngang	Chiếc	10	Kẹp đầu bàn, mép bàn, sơ đồ trong quá trình trải vải	Kẹp thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bàn trải vải	Bộ	1	Trải vải theo tác nghiệp cắt	Kích thước dài x rộng x cao: 10.000 x 2.000 x 800 mm
10	Găng tay cắt	Chiếc	02	Bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Găng tay chuyên dụng loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Thước cứng	Chiếc	6	Kẻ khung dựng hình, các đường trục chính, kẻ sơ đồ	Đơn vị: "cm" và inch". Kích thước 1000mm
12	Thước dây	Chiếc	18	Đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
13	Thước chặn	Chiếc	1	Chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	Chiều dài tối thiểu 2500 x 100 x 50mm
14	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
15	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*Tự chọn*): CẮT MAY THỜI TRANG ÁO KHOÁC NGOÀI

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 46
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Sử dụng để thiết kế mẫu trang phục	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800 mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
2	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo khoác ngoài	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	2	Thực hành vắt sổ áo khoác ngoài	Tốc độ ≥ 5000 mũi/ phút
4	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Thực hành thùa khuyết áo khoác ngoài	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Thùa khuyết áo vest nữ hai lớp	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
6	Máy đính cúc	Bộ	1	Thực hành đính cúc áo khoác ngoài	Tốc độ ≥ 1500 mũi/ phút
7	Máy đính bọ	Bộ	1	Thực hành đính bọ áo khoác ngoài	Tốc độ ≥1800 mũi/phút. Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/ bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16mm
8	Máy ép mex	Bộ	1	Thực hành ép mex áo khoác ngoài	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Là hoàn thiện áo khoác ngoài	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
10	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Là chi tiết áo khoác ngoài	Công suất ≥ 1500W Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kéo cắt	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải
12	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, sơ vải	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường, có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
13	Thước nhựa cứng	Chiếc	18	Đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Đơn vị: "cm" và "inch"; kích thước 200 ÷ 300; 500 ÷ 600mm
14	Thước dây	Chiếc	18	Đo các kích thước theo yêu cầu	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch" rõ nét, có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
15	Manơcanh	Chiếc	1	Mặc thử mẫu	Manơcanh bán thân, Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
16	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Treo sản phẩm để đảm bảo phẳng	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	
19	Kim tay	Chiếc	18	Sử dụng khâu các đường may tay	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông
20	Ghim gài	Vỉ	18	Sử dụng để gài giữ vải đảm bảo an toàn khi cắt	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm
21	Máy may hai kim	Chiếc	1	May các đường may song song	Tốc độ ≥ 4000 mũi/ phút
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Trình chiếu nội dung bài giảng và hình ảnh…	Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
23	Máy vi tính	Bộ	1	Hỗ trợ tối đa cho việc cung cấp thông tin khi trình chiếu	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Phần B
DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Bảng 34. DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: May Thời trang
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Tủ thuốc cứu thương	Chiếc	1	Theo tiêu chuẩn ngành y tế
2	Phương tiện phòng cháy chữa cháy, gồm: - Bình chữa cháy. - Bộ nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Bộ	1	Đảm bảo theo tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy
3	Thiết bị bảo hộ lao động nghề may và thiết kế thời trang	Bộ	19	Đảm bảo yêu cầu an toàn lao động
	DỤNG CỤ VẼ			
4	Thước kẻ	Chiếc	35	Đơn vị tính là "cm" và "inch", có chiều dài 200 ÷ 300mm; 500 ÷ 600mm, 1000mm
5	Com pa	Chiếc	35	Loại thông dụng có bán trên thị trường
6	Thước cong	Chiếc	35	Loại thước được sử dụng rộng rãi trên thị trường, vật liệu trong suốt

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Thước vuông	Chiếc	35	Đơn vị: "cm" và inch"
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
8	Máy may 1 kim	Bộ	18	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
9	Máy 2 kim	Bộ	1	Tốc độ ≥ 4000 mũi/phút
10	Máy vắt sổ	Bộ	2	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
11	Máy thùa khuyết bằng	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, số mũi/khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi
12	Máy đính cúc	Bộ	1	Tốc độ ≥1500 mũi/ phút,
13	Máy vắt gấu	Bộ	1	Tốc độ khoảng 1500 mũi/phút
14	Máy đính bọ	Bộ	1	Tốc độ ≥ 1800 mũi/phút. Số mũi: từ 28 đến 42 mũi/bọ, Chiều rộng bọ: 1.5 ÷ 3mm, Chiều dài bọ: 8 ÷ 16 mm
15	Máy ép mex	Bộ	1	Khổ rộng 600 ÷ 1200mm
16	Máy dập cúc	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút
17	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	1	Số vòng quay động cơ: 3000 ÷ 3600 vòng/ phút, Khả năng cắt: 110 ÷ 290 mm, Kích thước dao: 6'' ÷ 13''
18	Máy đột	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút,
19	Máy xác định độ bền vải	Chiếc	1	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm, có khả năng đo độ bền đứt của vải
20	Máy cuốn ống	Bộ	2	Tốc độ ≥ 5000 mũi/phút
21	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	1	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Bàn là nhiệt	Chiếc	2	Công suất ≥ 1500W
23	Chân vịt tra khóa	Bộ	6	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
24	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	1	Tốc độ ≥ 3600 mũi/phút, số mũi/ khuyết: từ 54 ÷ 370 mũi

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
25	Máy trần chun	Bộ	1	
26	Máy lộn cổ	Chiếc	1	Loại thủ công, thông dụng trên thị trường
27	Kìm bấm dấu	Chiếc	1	
28	Đục lỗ	Chiếc	1	
29	Con lăn sao mẫu	Chiếc	18	
	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤ TRỢ CHUYÊN NGÀNH			
30	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
31	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	
32	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	
33	Thước dây	Chiếc	1	Đảm bảo độ bền, không co giãn, đơn vị đo "cm" và "inch", có chiều dài 1500 ÷ 2000mm
34	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	3	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
35	Kéo cắt	Chiếc	35	Loại thông dụng có thể cắt được sợi, vải, giấy
36	Kéo bấm chỉ	Chiếc	35	Loại nhỏ, bằng thép, thông dụng trên thị trường
37	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Chiều cao 800 ÷ 900mm; Chiều dài 1200 ÷ 1800mm; Chiều rộng 900 ÷ 1200mm
38	Kim tay	Chiếc	18	Bằng thép không gỉ, loại phổ thông bán trên thị trường
39	Ghim gài	Vỉ	18	Bằng thép không gỉ, kích thước L: 4 ÷ 5cm, D: 0,1 ÷ 0,2mm
40	Manocanh	Chiếc	3	Manocanh bán thân. Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
41	Kính kiểm tra mật độ	Chiếc	6	Kính kiểm tra mật độ vải, kích thước 1 x 1inch

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
42	Kính hiển vi	Chiếc	2	Loại kính phổ thông có độ phóng đại 30 ÷ 100 lần
43	Kính lúp	Chiếc	9	Kính có độ phóng đại khoảng từ 12 ÷ 16 lần
44	Đồng hồ bấm giờ	Chiếc	18	Loại đồng hồ bấm giây được sử dụng rộng rãi trong ngành may
45	Xơ nguyên chất	Kg	2	Thành phần không có lẫn các tạp chất khác (Xơ bông, polyeste, polyamid, len, tơ tằm, vitscos…)
46	Que khuấy	Chiếc	6	Làm bằng thủy tinh đặc trong suốt có độ bền cao, kích thước từ 200 ÷ 300mm
47	Kim để đếm mật độ	Chiếc	15	Bằng thép không gỉ, kích thước L = 100mm; D = 0.5 ÷ 1mm
48	Dưỡng may cổ	Chiếc	1	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
49	Dưỡng may nắp túi	Chiếc	18	Vật liệu bằng nhựa cứng, có thông số theo kết cấu măng séc của từng sản phẩm
50	Dưỡng bổ túi	Bộ	3	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
51	Dưỡng may măng séc	Chiếc	1	Theo thông số chuẩn của từng loại măng séc
	MÔ HÌNH HỌC CỤ			
52	Bảng mẫu vải	Bảng	1	Các mẫu vải dệt kim, dệt thoi, vải không dệt cơ bản
53	Bàn vẽ thiết kế sản phẩm	Chiếc	18	Kích thước tối thiểu Cao x Dài x Rộng: 1200 x 1500 x 800mm
54	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ	Bộ	02	Mô tả đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
55	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ	Bộ	02	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
56	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo jacket	Bộ	02	
57	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo vest nữ một lớp	Bộ	02	
58	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu áo veston nam	Bộ	02	
59	Mẫu vật thật các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao	Bộ	02	
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
60	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi Lumens. - Kích thước phông chiếu tối thiểu 1,8m x 1,8m
61	Máy vi tính	Bộ	1	Cấu hình thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
62	Phần mềm đồ họa	Bộ	1	Cài đặt được tối thiểu 19 máy trong phòng học
63	Máy tính cá nhân	Chiếc	18	Loại máy tính cá nhân được sử dụng rộng rãi trên thị trường

Bảng 35. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (*tự chọn*): TRẢI VẢI VÀ CẮT CÔNG NGHIỆP
(Kèm theo danh mục tổng hợp các thiết bị tối thiểu dạy nghề may thời trang cho các môn học/mô đun bắt buộc trình độ cao đẳng nghề)

Tên nghề: May Thời trang
Mã số mô đun: MĐ 42
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cắt vòng	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 2500W
2	Máy khoan dấu	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 750W
3	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	1	Loại thông dụng trên thị trường, công suất ≥ 750W
4	Que gạt	Chiếc	2	Kích thước khoảng 800 ÷ 1000mm, có độ nhẵn trơn
5	Kẹp đứng	Chiếc	20	Kẹp thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Kẹp ngang	Chiếc	10	Kẹp thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Bàn trải vải	Bộ	1	Kích thước tối thiểu 10.000 x 2.000 x 800mm
8	Găng tay cắt	Chiếc	02	Găng tay chuyên dụng loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Thước chặn	Chiếc	1	Chiều dài tối thiểu 2500 x 100 x 50mm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG
Trình độ: Cao đẳng nghề

(Theo Quyết định số 1452/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Nguyễn Thị Sinh	Kỹ sư	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Ngọc Tám	Kỹ sư	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Phạm Quỳnh Hương	Kỹ sư	Ủy viên Thư ký
4	Nguyễn Phương Nga	Thạc sỹ	Ủy viên
5	Đào Thị Thanh Bình	Kỹ sư	Ủy viên
6	Nguyễn Diệp Linh	Thạc sỹ	Ủy viên
7	Đặng Thị Cẩm Thu	Kỹ sư	Ủy viên

(Xem tiếp Công báo số 553 + 554)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng